

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 153/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26 – 9 – 2024

V/v tranh chấp về hôn nhân và
gia đình ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Dài;

2. Ông Phạm Văn Liệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Trong các ngày 06, 26 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 263/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2024 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 111/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Huỳnh M, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Đinh Thị Huỳnh M vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt; anh Lê Văn T vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 09/11/2023, bản tự khai, biên bản phiên họp – hòa giải, nguyên đơn chị Đinh Thị Huỳnh M trình bày:

Về hôn nhân: Chị Đinh Thị Huỳnh M và anh Lê Văn T tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng do tìm hiểu, quen biết vào năm 2005 và có tổ chức đám cưới

vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 25/01/2007. Thời gian đầu vợ chồng sống với có hạnh phúc, nhưng sau đó đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, do anh T thường xuyên đi uống rượu (anh T là giáo viên, nhưng hàng ngày đều đi uống rượu do có nhiều mối quan hệ công việc, xã hội bên ngoài), khi về nhà thì chửi mắng chị M mà không có lý do, có một lần đánh chị M, đập phá đồ đạc trong nhà. Chị M đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh T không thay đổi, vẫn đi nhậu về nhà kiểm chuyện chửi mắng chị M, nên chị M đi đi về về nhà cha mẹ chị M ở tại thành phố C sinh sống, lâu lâu mới trở về nhà anh T. Vài năm gần đây thì một năm chị M chỉ ghé nhà anh T khoảng 7-8 lần để dọn dẹp nhà cửa. Khi chị M về thì anh T không có thể hiện ý định muốn hàn gắn tình cảm với chị M. Nay cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị M không còn tình cảm và không muốn hàn gắn với anh T nên chị M yêu cầu ly hôn anh Lê Văn T.

Về con chung: Chị Đinh Thị Huỳnh M và anh Lê Văn T không có con chung, nên chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Lê Văn T*: Anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ hòa giải 02 lần, thông báo về việc yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng anh T vắng mặt không có lý do, không cung cấp văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị M, cũng không tham dự phiên họp – hòa giải 02 lần và phiên tòa 02 lần nên Tòa án không thu thập được lời khai, ý kiến của anh T đối với yêu cầu khởi kiện của chị M.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Giấy CCCD của chị Đinh Thị Huỳnh M (Bản photo, đã đối chiếu bản chính);
- Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính).
- Bản tự khai ngày 16/8/2024 của chị Đinh Thị Huỳnh M (Bản chính);
- Đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 16/8/2024 của chị Đinh Thị Huỳnh M (Bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Theo yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Huỳnh M và các tài liệu,

chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn anh Lê Văn T cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Nguyên đơn chị Đinh Thị Huỳnh M được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Lê Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có cung cấp ý kiến đề bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn; đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do; do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị M, anh T theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Đinh Thị Huỳnh M yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn T.; anh Lê Văn T không có văn bản trình bày ý kiến về hôn nhân với chị M.

Xét thấy, chị M và anh T sống chung với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 25/01/2007, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong quá trình chung sống, chị M và anh T phát sinh mâu thuẫn mà không tự giải quyết với nhau được. Chị M xác định đến năm 2017 thì anh T thường xuyên đi uống rượu, khi về nhà thì chửi mắng chị M không có lý do, có đánh chị M, đập phá đồ đạc trong nhà. Chị M đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh T không thay đổi, nên chị M đi đi về về nhà cha mẹ chị M ở tại thành phố C, tỉnh Đồng Tháp sinh sống, ít trở về nhà anh T. Vài năm gần đây thì chị M chỉ ghé nhà anh T khoảng 07-08 lần/năm để dọn dẹp nhà cửa.

Khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”.

Hiện nay chị M xác định không muốn hàn gắn, đoàn tụ với anh T, không còn tình cảm với anh T. Anh T đã được Tòa án thông báo về phiên họp – hòa giải 02 lần để tạo điều kiện cho anh chị hòa giải đoàn tụ, nhưng anh T không đến, cho thấy anh T không muốn hàn gắn, đoàn tụ với chị M. Như vậy, có cơ sở xác định hôn nhân giữa chị M và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án*

giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

Do đó, chị Đinh Thị Huỳnh M yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn T là phù hợp theo quy định tại Điều 51, Điều 53 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị M xác định trong thời gian chung sống thì chị M và anh T không có con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết về con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh T không có trình bày ý kiến, yêu cầu về tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đinh Thị Huỳnh M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; anh Lê Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Huỳnh M.

1. Về hôn nhân: Chị Đinh Thị Huỳnh M được ly hôn với anh Lê Văn T.
2. Về con chung: Chị Đinh Thị Huỳnh M và anh Lê Văn T không có con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đinh Thị Huỳnh M và anh Lê Văn T không có yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Đinh Thị Huỳnh M phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000

đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0006712 ngày 01/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình. Như vậy, chị M đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lê Văn T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9, 9a Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Tân Long (Đăng ký kết hôn số 04, quyển I, ngày 25/01/2007);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Thùy Trang